| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 170/2023/DS-PT
Ngày: 25 – 12 – 2023
V/v: "Tranh chấp hụi"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Luông.

*Các Thẩm phán*: Bà Võ Thị Phượng.

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn U, sinh năm 1969; Địa chỉ ấp T, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn B, sinh năm 1975; Địa chỉ ấp T, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần L, sinh năm 1969; Địa chỉ ấp T, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt – Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Chị Lê N, sinh năm 1998; Địa chỉ ấp T, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt – Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

*4. Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn U.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn U trình bày:* Vào ngày 06/6/2013 (âm lịch), tôi có mở dây hụi mùa 2.000.000 đồng, 01 năm khui 03 lần theo vụ lúa. Dây hụi gồm có 27 phần, trong đó có Nguyễn B tham gia 02 phần (01 phần ghi tên Biên, 01 phần ghi tên Như con bà Biên) nhưng thực tế bà Blà người tham gia trực tiếp, Như không có tham gia. Tôi ghi tên Như là để tiện cho bà B hốt hụi. Nếu ghi bà B 02 chân bụi thì hụi viên không cho bà Bhốt hết 02 phần.

Phần thứ nhất ghi tên Như bà Bhốt ngày 06/6/2013 (âm lịch), kêu 1.150.000 đồng bà Bhốt được 21.100.000 đồng.

Phần thứ hai ghi tên Biên bà Bhốt ngày 20/02/2017 (âm lịch) kêu 1.300.000 đồng, bà Bhốt được số tiền 31.500.000 đồng.

Cả hai lần hốt hụi tôi đã chung đủ cho bà B và bà B cũng làm biên nhận cho tôi. Sau khi hốt hụi bà Bđóng hụi chết của 02 phần đến lần thứ 25, còn nợ lại 02 lần x 02 phần với số tiền 8.000.000 đồng. Dây hụi hiện nay đã mãn. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn B trả cho tôi số tiền 8.000.000 đồng để tôi chung hụi cho Danh U1 (6 Hỷ) và Đào H.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu cấn trừ nghĩa vụ trả số tiền 9.000.000 đồng của dây hụi mùa 3.000.000 đồng khui ngày 25/12/2017 mà bà Btham gia của bà U, thì bà U không đồng ý, bà U cho rằng bà U có thỏa thuận với bà Bvà các hụi viên, khi nào bà Lê Thị Hồng đóng đủ cho bà U thì bà U sẽ trả cho bà Bvà các hụi viên.

Bị đơn bà Nguyễn B có yêu cầu phản tố trình bày ý kiến: Tôi thống nhất với phần trình bày của bà U về số tiền nợ hụi. Tôi thừa nhận nợ bà U số tiền 8.000.000 đồng như lời trình bày của bà U. Tuy nhiên, Tôi có yêu cầu phản tố cấn trừ nghĩa vụ bà U phải trả cho tôi số tiền 9.000.000 đồng của dây hụi ngày 25/12/2017 do bà U làm chủ hụi. Cụ thể là: Ngày 25/7/2017, tôi có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/3 tháng, do bà U làm chủ, hụi có 27 phần, tôi tham gia 01 phần. Dây hụi này tôi đóng được 05 lần, bà U cùng tất cả các hụi viên thống nhất ngưng hụi không khui nữa. Giữa tôi và bà U cũng như các hụi viên thống nhất tôi được hưởng giá hụi chết với số tiền 15.000.00 đồng. Tôi bốc thăm hốt được và bà U đã giao cho tôi số tiền 6.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng chưa giao cho tôi. Nay bà U yêu cầu tôi trả số tiền 8.000.000 đồng, tôi yêu cầu bà U trả tôi số tiền 9.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Ntrình bày ý kiến:* Tôi là con gái của bà Nguyễn B, đối với việc mẹ tôi tham gia hụi của bà Nguyễn U tôi không biết và cũng không có tham gia bất kỳ dây hụi nào do bà U làm chủ. Tất cả do mẹ tôi Nguyễn B tham gia và ghi tên như thế nào thì tôi không biết. Tôi không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần L trình bày ý kiến:* Tôi là chồng của bà Nguyễn U, trong các danh sách hụi vợ tôi có ghi tên tôi Trần L và tôi cũng có ký tên. Tuy nhiên, tôi chỉ ký tên thống nhất cho bà U mở hụi để các hụi viên tham gia, chứ thực tế việc mở hụi, kêu hụi, chung hụi, khui hụi và các giao dịch có liên quan đến hụi do vợ tôi bà Nguyễn U trực tiếp làm tôi không biết. Nay tôi đồng ý giao toàn quyền cho vợ tôi bà Nguyễn U quyết định, tôi không có ý kiến gì, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn U số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn U có trách nhiệm trả cho bị đơn bà Nguyễn Biên số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/9/2023, bà Nguyễn U có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn B.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn bà Nguyễn U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 8.000.000 đồng tiền hụi chết còn nợ; Bị đơn có phản tố yêu cầu nguyên đơn trả 9.000.000 đồng tiền nợ hụi đã hốt nhưng chưa giao. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền trên. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 8.000.000 đồng nhưng phải cấn trừ vào số tiền nguyên đơn còn nợ. Nguyên đơn thừa nhận còn nợ bị đơn 9.000.000 đồng nhưng khi nào bà Hồng trả cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ trả cho bị đơn. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nợ với nhau nên buộc hai bên trả số tiền còn nợ. Đối với số tiền bà Hồng có nợ nguyên đơn (bà U) thì bà U có quyền khởi kiện bà Hồng thành vụ án khác. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu

phản tố của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn U khởi kiện bị đơn bà Nguyễn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ hụi, bị đơn cũng có yêu cầu phản tố đối với số tiền nợ hụi nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự (hụi)" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần L, Lê Nco yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 15/9/2023 nguyên đơn bà Nguyễn U có đơn kháng cáo hợp lệ, còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn U:

[4.1] Nguyên đơn bà Nguyễn U và bị đơn bà Nguyễn B đều thống nhất khai trước đây bà Nguyễn B có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn U làm chủ, hiện các dây hụi đã mãn hết là vấn đề có thật, nên không thuộc trường hợp phải chứng minh.

[5] Nội dung vụ án thể hiện bà Nguyễn U làm chủ dây hụi mùa, bà Nguyễn B có tham gia, dây hụi tổ chức khui ngày 06/6/2013 (âm lịch), số tiền là 2.000.000 đồng, 01 năm khui 03 lần theo vụ lúa. Dây hụi gồm có 27 phần, trong đó có Nguyễn B tham gia 02 phần. Bà B đã hốt hết cả 02 phần.

Phần thứ nhất bà Bhốt ngày 06/6/2013 (âm lịch), kêu 1.150.000 đồng bà Bhốt được 21.100.000 đồng.

Phần thứ hai Biên hốt ngày 20/02/2017 (âm lịch) kêu 1.300.000 đồng, bà Bhốt được số tiền 31.500.000 đồng.

Cả hai lần hốt hụi bà U đã chung đủ cho bà B và bà B cũng làm biên nhận cho bà U. Sau khi hốt hụi bà Bđóng hụi chết của 02 phần còn nợ lại 8.000.000 đồng. Bà Bcũng thừa nhận hiện còn nợ bà U 8.000.000 đồng và thống nhất với phần trình bày của bà U, nên có căn cứ buộc bà Bcó nghĩa vụ trả nợ cho bà U số tiền nợ của dây hụi này là 8.000.000 đồng.

[6] Đối với bà Nguyễn B có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Nguyễn U phải trả số tiền nợ 9.000.000 đồng. Dây hụi mùa khui ngày 25/12/2017 mà bà Btham gia của bà U. Bà Nguyễn U cũng thừa nhận nợ như lời trình bày của bà Bnhưng bà U không đồng ý trả nợ cho bà Biên. Vì lý do bà Lê Thị Hồng là hụi viên của dây hụi này chưa đóng đủ cho bà U số tiền 9.000.000 đồng khi nào bà Hồng trả cho bà thì bà sẽ trả cho bà B.

[7] Xét thấy, dây hụi khui ngày 25/9/2017, sau khi khui được 05 lần đến ngày 25/12/2017 các hụi viên đã thỏa thuận thống nhất ngừng hụi và thống nhất được số tiền bà Nguyễn U phải trả cho các hụi viên là 15.000.000 đồng. Đồng thời, thỏa thuận: "khi nào bà Nguyễn U đòi được số tiền 9.000.000 đồng của hụi viên Lê Thị Hồng thì mới trả cho các thành viên trong dây hụi", thỏa thuận này là trái quy định tại khoản 2, 3 Điều 15; Điều 27, 28 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ hụi, biêu, phường. Bởi vì, theo nguyên tắc giao dịch hụi có lãi thì chủ hụi được hưởng huê hồng, phải có nghĩa vụ góp hụi và giao tiền hụi cho các hụi viên trúng hụi. Bà Bđã bốc trúng hụi thì bà U phải có trách nhiệm giao đủ tiền hụi đã hốt cho bà Bnhưng bà U chỉ mới giao cho bà Bsố tiền 6.000.000 đồng; bà U cũng thừa nhận chỉ mới giao cho bà B6.000.000 đồng hiện còn nợ với số tiền 9.000.000 đồng. Từ đó, có căn cứ buộc bà Nguyễn U có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn B số tiền còn nợ 9.000.000 đồng trong dây hụi này.

Việc bà Nguyễn U cho rằng bà Lê H còn nợ bà U trong dây hụi này là một giao dịch dân sự khác, trong trường hợp bà Hồng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với bà U thì bà U có quyền khởi kiện bà Lê H thành vụ kiện dân sự khác.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà U kháng cáo nhưng không

cung cấp chứng cứ mới, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn U. Xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn U và yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn B được chấp nhận nên bà U và bà Bphải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền mỗi bên phải trả đã được Tòa án chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn U không được chấp nhận nên bà Nguyễn U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, 227, 228, 271, 272, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 15, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn U.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn U số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

3. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn U có trách nhiệm trả cho bị đơn bà Nguyễn B số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người có nghĩa vụ thi hành án phải chịu

lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn U phải chịu số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn U được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004412 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Như vậy bà Nguyễn U phải nộp thêm số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn B phải chịu án phí với số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), bà Nguyễn B được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004707 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Như vậy bà Nguyễn B phải nộp thêm số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn U phải chịu phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí kháng đã nộp theo biên lai số 0004817 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 25 tháng 12 năm 2023.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Văn Luông**